TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **125**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2025
V/v: *Tranh chấp Xin ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đặng Thu Phương**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Đỗ Thị Hằng Huệ**
2. Ông Phùng Ngọc Toàn

- *Thư ký phiên tòa*: **Ông Hoàng Đức Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa*: **Bà Hoàng Thu Trang**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 809/TLST- HNGĐ ngày 14/11/2024 về tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa:

***Nguyên đơn*: Chị N.H.L** – Sinh năm: 1991;

HKTT: Tổ X, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Tổ Y, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(Có mặt)

***Bị đơn*: Anh V.D.M** - Sinh năm: 1984;

HKTT và nơi ở: Tổ X, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N.H.L trình bày:

Chị và anh V.D.M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2015 tại UBND phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Tổ X, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, là nhà của bố mẹ anh M. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Hiện tại vợ chồng đã ly thân, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không còn sự quan tâm, chăm sóc với nhau nữa. Đến nay, chị xác tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.D.M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu V.B.P, sinh ngày 27/02/2017 và cháu V.D.K, sinh ngày 04/11/2019. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu V.B.P và giao cho anh M trực tiếp nuôi cháu V.D.K. Hiện tại cháu P đang sống cùng chị và cháu K sống cùng bố. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh V.D.M trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống đúng như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn từ năm 2022 do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị N.H.L trình bày. Nguyện vọng của anh là xin được nuôi cả hai con. Anh đề nghị chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng/tháng. Thu nhập hiện tại của anh khoảng 20 triệu đồng/tháng nhưng do làm nghề tự do nên anh không có giấy tờ chứng minh thu nhập để nộp cho Toà.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên lời khai như trên.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về sự tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử và nguyên đơn là chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: chị N.H.L được ly hôn anh V.D.M. Giao cháu V.B.P cho chị L và giao cháu V.D.K cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không xét. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị N.H.L khởi kiện xin ly hôn anh V.D.M. Anh M có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ X, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tuy nhiên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị N.H.L và anh V.D.M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/12/2015 tại UBND phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, anh V.D.M xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Anh M đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị L và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tuy nhiên, khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh M vắng mặt không có lý do, không đến tham gia phiên tòa, là thể hiện thái độ không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thực tế, anh chị đã sống ly thân, mỗi ng□ời có một cuộc sống riêng, giữa hai bên không còn có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N.H.L, cho chị Ly đ□ợc ly hôn với anh V.D.M.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu V.B.P, sinh ngày 27/02/2017 và cháu V.D.K, sinh ngày 04/11/2019. Chị L xin được nuôi cháu V.B.P và giao cháu V.D.K cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Phía anh M xin nhận nuôi cả 2 con và yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi vợ chồng ly thân thì cháu P đang sống cùng chị L và cháu K đang sống cùng anh M. Việc nuôi con chung là nguyện vong chính đáng của cả người làm cha và làm mẹ. Vì vậy, để tránh sự xáo trộn cuộc sống của các cháu nhỏ nên cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu K là phù hợp. Do mỗi người nuôi 1 con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị L và anh M có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục cong chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị N.H.L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - *Điều 19; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;*

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:*

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N.H.L.

I. Chị N.H.L được ly hôn anh V.D.M.

II. Về con chung: Chị N.H.L và anh V.D.M có 02 con chung là cháu V.B.P, sinh ngày 27/02/2017 và cháu V.D.K, sinh ngày 04/11/2019. Giao cháu V.B.P cho chị L và giao cháu V.D.K cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị N.H.L và anh V.D.M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị N.H.L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0030852 ngày 14/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội*
- *VKSND quận Ba Đình*
- *Công an quận Ba Đình*
- *Thi hành án quận Ba Đình*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Thu Phương